

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-ST
Ngày 20 - 9 - 2021
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Nguyễn Hoài Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 03 năm 2021 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Đường T, Khóm H, Phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Đồng bị đơn:* Bà B, sinh năm 1958 (có mặt)

Ông C, sinh năm 1956 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà D, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Đường T, Khóm H, Phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông A trình bày:

Ông A có tham gia hội do bà C và ông B làm chủ hội, đây hội mở ngày 20/9/2017 (âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng, 01 tháng khai một lần vào ngày 20 hàng tháng, hội có 44 thành viên, ông A tham gia một phần hội và mua một phần hội. Đây hội này đã đình hội tại kỳ hội thứ 17 vào ngày 20/01/2019 (âm lịch). Cụ thể, phần hội thứ nhất là phần hội ông A trực tiếp tham gia hội, đóng được 16 kỳ hội, với số tiền thực đóng là 7.860.000 đồng. Phần hội này bà C và ông B đã trả cho ông A nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần hội thứ hai, ông A mua hội

của người tham gia chung dây hụi, không biết tên người mua hụi, số tiền mua là 22.000.000 đồng, đến nay bà C và ông B còn nợ tiền hụi gốc 22.000.000 đồng. Ông A yêu cầu ông B và bà C cùng trả cho vợ chồng ông A và bà D số tiền 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng bị đơn ông B và bà C cùng trình bày: Ông B và bà C thống nhất lời trình bày của ông A về ngày mở hụi, loại hụi và thành viên tham gia hụi, cũng như ngày đình hụi. Phần hụi ông A trực tiếp tham gia đã trả xong, còn phần hụi ông A mua thì ông B và bà C không đồng ý. Do ông B và bà C đã trả cho bà D số tiền 14.000.000 đồng, còn nợ vợ chồng ông A, bà D số tiền 8.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho ông A và bà D số tiền 8.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày đình hụi là 20/01/2019 (âm lịch) đến ngày xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày: Bà D không nhận số tiền 14.000.000 đồng như ông B và bà C trình bày, thống nhất yêu cầu của ông A, yêu cầu ông B và bà C trả cho vợ chồng ông A và bà D số tiền 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B và bà C, buộc ông B và bà C cùng có trách nhiệm trả cho ông A và bà D số tiền 22.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông B và bà C được miễn án phí do ông B và bà C là người cao tuổi, có yêu cầu được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền xét xử: Ông B khởi kiện ông B và bà C yêu cầu trả tiền nợ 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Mặc dù, số tiền 22.000.000 đồng ông B cho rằng là tiền mua hụi nhưng sau khi ông B giao tiền 22.000.000 đồng cho bà C thì ông B không đóng tiền hụi của các phần hụi chưa khai và hai bên thỏa thuận mỗi tháng ông B và bà C phải trả cho ông B số tiền 1.000.000 đồng đến khi đủ số tiền 22.000.000 đồng. Do vậy, giao dịch giữa ông B với ông B và bà C là giao dịch vay tiền không có lãi, nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông B và bà C có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận ông A đã giao cho ông B và bà C số tiền 22.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận ông B và bà C mỗi tháng trả cho ông A và bà D số tiền 1.000.000 đồng đến khi đủ số tiền 22.000.000 đồng.

[3] Ông A cho rằng từ khi giao tiền cho ông B và bà C thì ông B và bà C không trả cho ông B mỗi tháng 1.000.000 đồng như thỏa thuận. Còn ông B và bà C cho rằng đã trả cho bà D số tiền 14.000.000 đồng.

[4] Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Theo đó ông B và bà C phải có nghĩa vụ chứng minh ông B và bà C đã trả cho vợ chồng ông A và bà D số tiền 14.000.000 đồng nhưng ông B và bà C không cung cấp được giấy tờ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông B và bà C phải có nghĩa vụ trả cho ông A và bà D số tiền 22.000.000 đồng.

[5] Về tiền lãi, do ông A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông B và bà C phải chịu án phí 5% đối với số tiền 22.000.000 đồng là 1.100.000 đồng nhưng do ông B và bà C là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên ông B và bà C được miễn nộp số tiền án phí 1.100.000 đồng. Ông A đã nộp số tiền 550.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng số 0008565 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[7] Từ đó, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B và bà C về yêu cầu thanh toán số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2. Buộc ông B và bà C cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông A và bà D số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông B và bà C phải chịu 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) nhưng ông B và bà C là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên ông B và bà C được miễn nộp số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Ông A đã nộp số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng số 0008565 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo